CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Phạm Trường Giang	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 11/05/2017
Ông Thái Duy Long	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 10/05/2017
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên	
Ông Phạm Hoàng Anh	Thành viên	
Bà Trần Thị Bích Hạnh	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Khánh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/05/2017
Ông Thái Duy Long	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/05/2017

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0100... CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Văn Khánh

HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC
ATC AUDITING AND VALUATION FIRM
Add. Tòa nhà ATC - Lô D12 - Khu đấu giá Vạn Phúc - P.Vạn Phúc - Q.Hà Đông - TP.Hà Nội
Tel. (+84-24) 3 200 0162 * Fax. (+84-24) 3 200 0163 * Web. www.atcf.vn
DO OUR BEST

Số: 18032702/BCKT/KT1/ATC
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương, được lập ngày 26/03/2018, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty quyết định không bù trừ số dư công nợ nội bộ giữa Công ty với Xí nghiệp dịch vụ Xây dựng Ngoại thương với giá trị tại thời điểm 31/12/2017 là 18.149.706.537 VND và tại thời điểm 01/01/2017 là 22.385.636.434 VND, giá trị công nợ nội bộ không được bù trừ này làm tổng tài sản và nguồn vốn trên Bảng cân đối kế toán tăng lên cùng một giá trị tương ứng tại các chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khách hàng_Mã số 131" và "Phải trả ngắn hạn khác_Mã số 319".

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên, Chúng tôi chỉ lưu ý đến người đọc Báo cáo tài chính rằng:

- Như tại Thuyết minh số V.9, Công ty không tiến hành phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh 9.640.885.037 đồng vào kết quả kinh doanh do giá trị này được xác định có sai sót tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Công ty đang chờ ý kiến chỉ đạo của các cơ quan có liên quan để điều chỉnh lại giá trị sổ sách cho phù hợp. Giá trị này tạm thời được ghi nhận trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" trên Bảng Cân đối kế toán.

- Như tại Thuyết minh số V.9 và số V.13, Công ty hạch toán trích trước chi phí tiền thuê đất tại số 102 Nguyễn Văn Cừ, quận 1, TP.Hồ Chí Minh dự kiến phải nộp bổ sung với tổng số tiền là 7.035.165.947 đồng trên Báo cáo tài chính năm 2017, trong đó :

  ❖ Trích trước chi phí tiền thuê đất từ năm 1996 đến năm 2015 dự kiến phải nộp bổ sung là: 4.351.271.131 đồng. Công ty dự kiến thực hiện phân bổ vào kết quả kinh doanh khoản chi phí này trong thời gian 03 năm tính từ năm có quyết định chính thức từ Cơ quan thuế về số tiền phải nộp bổ sung.

  ❖ Trích trước chi phí tiền thuê đất từ năm 2016 đến năm 2017 dự kiến phải nộp bổ sung là: 2.683.894.816 đồng. Công ty đã ghi nhận các khoản chi phí này vào kết quả kinh doanh trong năm 2017.

  Công ty đang trong quá trình làm việc với Cơ quan thuế về số tiền thuê đất phải nộp bổ sung trên, sau khi có quyết định chính thức của Cơ quan thuế, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh chênh lệch (nếu có) giữa số liệu Công ty đã trích trước và số liệu của Cơ quan thuế vào Báo cáo tài chính tại thời điểm có quyết định của Cơ quan thuế.

Phan Thanh Quân	**Tạ Quốc Huy**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:	Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1974-2018-047-1	3651-2016-047-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	**100**		**228.348.626.709**	**190.131.678.461**
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.01**	**103.585.172.328**	**59.921.230.573**
1. Tiền	111		59.519.222.620	28.877.706.971
2. Các khoản tương đương tiền	112		44.065.949.708	31.043.523.602
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**2.000.000.000**	**2.070.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	2.000.000.000	2.070.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**100.796.935.074**	**109.016.398.101**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	59.184.401.582	70.442.624.448
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.11	16.192.109.032	8.791.486.269
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	25.420.424.460	29.782.287.384
IV- Hàng tồn kho	**140**		**21.004.683.150**	**18.715.902.807**
1. Hàng tồn kho	141	V.05	21.004.683.150	18.715.902.807
V- Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**961.836.157**	**408.146.980**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	68.302.846	45.144.478
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	30.416.021
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	893.533.311	332.586.481
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	**200**		**263.328.770.735**	**263.083.596.681**
I- Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II- Tài sản cố định	**220**		**107.748.254.796**	**108.903.015.577**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	107.537.232.074	108.783.015.582
- Nguyên giá	*222*		*148.388.826.200*	*146.396.832.815*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(40.851.594.126)*	*(37.613.817.233)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	211.022.722	119.999.995
- Nguyên giá	*228*		*397.747.130*	*232.747.130*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(186.724.408)*	*(112.747.135)*
III- Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV- Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**2.980.259.092**	**3.049.757.203**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.06	2.980.259.092	3.049.757.203
V- Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.02**	**137.658.668.556**	**140.136.208.556**
1. Đầu tư vào công ty con	251		35.966.000.000	35.966.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		101.692.668.556	104.170.208.556
VI- Tài sản dài hạn khác	**260**		**14.941.588.291**	**10.994.615.345**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	14.941.588.291	10.994.615.345
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**491.677.397.444**	**453.215.275.142**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN

	NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A-	**NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)**	**300**		**197.212.866.531**	**156.176.685.494**
I-	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**175.951.792.246**	**129.915.611.209**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	36.368.826.109	22.871.386.299
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.03	54.483.766.164	39.209.990.970
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.890.487.258	844.595.235
4.	Phải trả người lao động	314		3.000.000.000	3.000.000.000
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	35.799.223.442	34.820.598.536
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	54.376.105	-
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	42.168.543.952	28.167.970.712
8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.16	659.645.455	665.000.000
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.526.923.761	336.069.457
II-	**Nợ dài hạn**	**330**		**21.261.074.285**	**26.261.074.285**
1.	Phải trả dài hạn khác	337	V.14	1.261.074.285	1.261.074.285
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	20.000.000.000	25.000.000.000
B-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)**	**400**		**294.464.530.913**	**297.038.589.648**
I-	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.17**	**294.464.530.913**	**297.038.589.648**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		268.000.000.000	268.000.000.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*268.000.000.000*	*268.000.000.000*
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		2.195.683.220	1.125.373.068
3.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		901.701.960	442.997.609
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.367.145.733	27.470.218.971
-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*4.798.259.634*	*12.180.073.944*
-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*18.568.886.099*	*15.290.145.027*
II-	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**-**	**-**
	TONG CỘNG NGUON VON (440 = 300+400)	**440**		**491.677.397.444**	**453.215.275.142**

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Bích Hạnh		Nguyễn Văn Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 02-DN

	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	259.221.161.273	231.104.100.797
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		259.221.161.273	231.104.100.797
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	247.075.735.244	222.399.629.728
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**12.145.426.029**	**8.704.471.069**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	20.679.162.548	24.991.738.406
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	2.378.546.930	3.738.868.708
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*2.229.791.667*	*3.162.425.000*
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	12.488.335.967	14.715.117.082
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}**	**30**		**17.957.705.680**	**15.242.223.685**
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	772.112.139	1.053.604.118
12.	Chi phí khác	32	VI.07	160.931.720	1.005.682.776
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**		**611.180.419**	**47.921.342**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)**	**50**		**18.568.886.099**	**15.290.145.027**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**18.568.886.099**	**15.290.145.027**

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG
Trần Thị Bích Hạnh		Nguyễn Văn Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 03-DN

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		361.457.166.477	340.657.847.475
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(302.206.596.357)	(276.432.613.881)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.754.570.100)	(22.050.467.848)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(2.240.000.000)	(3.169.576.835)
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(615.216.890)	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.436.374.510	557.989.686
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(13.666.811.911)	(15.611.180.764)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		***20***		***28.410.345.729***	***23.951.997.833***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.117.218.385)	(2.816.974.932)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		147.272.727	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(2.070.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.070.000.000	2.285.000.000
5.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.085.270.000	-
6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.159.060.516	24.310.210.021
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		***30***		***20.344.384.858***	***21.708.235.089***
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	2.136.537.241
2.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.000.000.000)	(17.050.312.231)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(93.678.925)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		***40***		***(5.093.678.925)***	***(14.913.774.990)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		**50**		**43.661.051.662**	**30.746.457.932**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		**60**	**V.1**	**59.921.230.573**	**29.174.407.969**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61		2.890.093	364.672
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)		**70**	**V.1**	**103.585.172.328**	**59.921.230.573**

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Bích Hạnh		Nguyễn Văn Khánh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương (Vietrans) trước đây là Công ty TNHH MTV Giao nhận Kho vận Ngoại thương (Vietrans) chuyển đổi theo Quyết định số 1221/QĐ-BCT ngày 17 tháng 03 năm 2011 của Bộ Công thương, Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0100107317 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2010, thay đổi lần thứ 10 ngày 15 tháng 05 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại:15 Bis Lý Nam Đế, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: 268.000.000.000 VND *(Hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng).*

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh, Xí nghiệp	
Chi nhánh Nghệ An	103 Nguyễn Du, TP. Vinh, Nghệ An
Chi nhánh Nha Trang	21 Trần Quý Cáp, Nha Trang
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	102 Nguyễn Văn Cừ, TP. HCM
Xí nghiệp Dịch vụ xây dựng ngoại thương	15 Bis Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Công ty con	
Công ty CP Giao nhận KV Ngoại thương Hải Phòng	5A Hoàng Văn Thụ, Hải Phòng
Công ty CP Giao nhận KV Ngoại thương Quy Nhơn	91 Lê Lợi, Quy Nhơn, Bình Định
Công ty CP Giao nhận KV Ngoại thương Miền Nam	23 Hoàng Diệu, TP. HCM
Công ty CP Giao nhận KV Ngoại thương Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng
Công ty Liên doanh	
Công ty Liên doanh Bông Sen	1A Nguyễn Văn Quỳ, Q.7, TP. HCM
Công ty TNHH Logistics Sinovietrans	1A Nguyễn Văn Quỳ, Q.7, TP. HCM
Công ty liên kết	
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Vietrans	15 Bis, Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan tới vận tải;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ bán vé máy bay;
- Đại lý làm thủ tục hải quan;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ đóng hòm, đóng thùng và bao gói hàng hoá;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sao chép các bản ghi các loại;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát;
- Dịch vụ logistics;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô;
- Kinh doanh bất động sản;
- Nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty

bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	Năm sử dụng ước tính
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 50
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, gồm chi phí lợi thế kinh doanh, chi phí tiền thuê đất và giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Đối với chi phí lợi thế kinh doanh, Công ty không tiến hành phân bổ vào kết quả kinh doanh do giá trị này được xác định có sai sót tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Công ty đang chờ ý kiến chỉ đạo của các cơ quan có liên quan để điều chỉnh lại giá trị sổ sách cho phù hợp.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp cung cấp dịch vụ trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp sau:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hoá đơn là bao nhiêu;

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được *thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện*, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hoá đơn đã lập.

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng: làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty.

Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, thành viên của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	639.236.766	1.112.518.345
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	58.879.985.854	27.765.188.626
Các khoản tương đương tiền (*)	44.065.949.708	31.043.523.602
Cộng	**103.585.172.328**	**59.921.230.573**

(*) Các khoản tương đương tương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại các Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 8,75% tại Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	**35.966.000.000**	-	**35.966.000.000**	-
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng	27.771.000.000	-	27.771.000.000	-
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Quy Nhơn	2.712.000.000	-	2.712.000.000	-
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương TP.HCM	2.220.000.000	-	2.220.000.000	-
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Đà Nẵng	3.263.000.000	-	3.263.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	**101.692.668.556**	-	**104.170.208.556**	-
Công ty Liên doanh Bông Sen	96.220.168.556	-	96.220.168.556	-
Công ty TNHH TNT - Vietrans Express Worldwide	-	-	1.877.540.000	-
Công ty TNHH Logistics SinoVietrans	4.972.500.000	-	4.972.500.000	-
Công ty CP Đầu tư XD và XNK Vietrans	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty CP Thương mại và VT Quốc tế Vietrans	-	-	600.000.000	-

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Hải Phòng	5A Hoàng Văn Thụ, TP. Hải Phòng	66,12%	66,12%	Ủy thác XNK, cho thuê kho bãi
Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Quy Nhơn	91 Lê Lợi, Quy Nhơn, Bình Định	67,80%	67,80%	Ủy thác XNK, giao nhận
Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Miền Nam	23 Hoàng Diệu, TP. Hồ Chí Minh	60,00%	60,00%	Giao nhận, cho thuê kho bãi, vận tải
Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	57,25%	57,25%	Giao nhận, cho thuê kho bãi, vận tải

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu về cổ phần hóa	500.000.000	500.000.000
Tạm ứng của người lao động	19.620.723.783	22.818.098.222
Phải thu cổ tức của Công ty Cổ Phần Giao nhận kho vận ngoại thương Miền Nam	355.200.000	-
Phải thu cổ tức của Công ty Cổ Phần giao nhận kho vận Ngoại Thương Đà Nẵng	707.279.734	461.401.734
Phải thu lợi nhuận của Công ty liên doanh bông sen	1.150.709.240	2.373.027.843
Phải thu khác	3.086.511.703	3.629.759.585
Cộng	**25.420.424.460**	**29.782.287.384**

5. Hàng tồn kho

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	13.002.785.512	-	16.345.021.195	-
Hàng hóa;	8.001.897.638	-	2.370.881.612	-
Cộng	**21.004.683.150**	**-**	**18.715.902.807**	**-**

6. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Xây dựng văn phòng ở Cầu Giấy	472.199.091	472.199.091
Xây nhà ở cho CBCNV tại Pháp Vân	2.508.060.001	2.507.958.112
Kho A2 Yên Viên 2016	-	69.600.000
Cộng	**2.980.259.092**	**3.049.757.203**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2017	**143.518.832.860**	**1.880.311.931**	**997.688.024**	**146.396.832.815**
Tăng trong năm	**1.427.184.090**	**1.525.034.295**	**-**	**2.952.218.385**
Mua trong năm	-	1.525.034.295	-	1.525.034.295
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.427.184.090	-	-	1.427.184.090
Giảm trong năm	**-**	**960.225.000**	**-**	**960.225.000**
Thanh lý, nhượng bán	-	960.225.000	-	960.225.000
Số dư tại 31/12/2017	**144.946.016.950**	**2.445.121.226**	**997.688.024**	**148.388.826.200**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2017	**34.898.735.269**	**1.828.399.343**	**886.682.621**	**37.613.817.233**
Tăng trong năm	**4.004.343.753**	**147.406.192**	**46.251.948**	**4.198.001.893**
Khấu hao trong năm	4.004.343.753	147.406.192	46.251.948	4.198.001.893
Giảm trong năm	**-**	**960.225.000**	**-**	**960.225.000**
Thanh lý, nhượng bán	-	960.225.000	-	960.225.000
Số dư tại 31/12/2017	**38.903.079.022**	**1.015.580.535**	**932.934.569**	**40.851.594.126**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2017	**108.620.097.591**	**51.912.588**	**111.005.403**	**108.783.015.582**
Tại 31/12/2017	**106.042.937.928**	**1.429.540.691**	**64.753.455**	**107.537.232.074**

Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 2.023.107.407 VND, tại ngày 01/01/2017 là 1.933.988.401 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị: VND

	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2017	**232.747.130**	**232.747.130**
Tăng trong năm	**165.000.000**	**165.000.000**
Mua trong năm	165.000.000	165.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2017	**397.747.130**	**397.747.130**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2017	**112.747.135**	**112.747.135**
Tăng trong năm	**73.977.273**	**73.977.273**
Khấu hao trong năm	73.977.273	73.977.273
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2017	**186.724.408**	**186.724.408**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2017	**119.999.995**	**119.999.995**
Tại 31/12/2017	**211.022.722**	**211.022.722**

9. Chi phí trả trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	**68.302.846**	**45.144.478**
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	50.319.610	45.144.478
Chi phí sửa chữa	17.983.236	-
b) Dài hạn	**14.941.588.291**	**10.994.615.345**
Chi phí lợi thế kinh doanh (i)	9.640.885.037	9.640.885.037
Tiền thuê đất	222.222.208	624.976.980
Tiền thuê đất VP. Hồ Chí Minh chờ phân bổ (ii)	4.351.271.131	-
Chi phí CCDC chờ phân bổ	271.782.643	728.753.328

(i) Công ty không tiến hành phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh 9.640.885.037 đồng vào kết quả kinh doanh do giá trị này được xác định có sai sót tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Công ty đang chờ ý kiến chỉ đạo của các cơ quan có liên quan để điều chỉnh lại giá trị sổ sách cho phù hợp.

(ii) Chi phí tiền thuê đất từ năm 1996 đến năm 2015 dự kiến phải nộp bổ sung của lô đất tại số 102 Nguyễn Văn Cừ, quận 1, TP.Hồ Chí Minh với giá trị 4.351.271.131 VND. Công ty sẽ thực hiện phân bổ vào kết quả kinh doanh khoản chi phí này trong thời gian 03 năm tính từ năm có quyết định chính thức từ Cơ quan thuế về số tiền phải nộp bổ sung này.

10. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hình thức vay thế chấp. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Văn phòng làm việc tại số 15 Bis phố Lý Nam Đế, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội bao gồm tài sản gắn liền với đất, quyền tài sản phát sinh từ Dự án, quyền tài sản phát sinh từ các giao dịch nhằm kinh doanh, khai thác Dự án. Dự án công trình văn phòng làm việc tại số 15 Bis Lý Nam Đế đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ năm 2013.

13. Chi phí phải trả

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trích trước chi phí lãi vay	40.833.334	51.041.667
Các khoản trích trước tạm tính của chi phí sản xuất kinh	24.832.615.526	34.769.556.869
Trích trước chi phí công trình	3.890.608.635	-
Trích trước chi phí tiền thuê đất (*)	7.035.165.947	-
Cộng	**35.799.223.442**	**34.820.598.536**

(*) Trích trước chi phí tiền thuê đất dự kiến phải nộp bổ sung tại tại số 102 Nguyễn Văn Cừ, quận 1, TP.Hồ Chí Minh, trong đó :

- Chi phí tiền thuê đất dự kiến phải nộp bổ sung từ năm 1996 đến năm 2015 là: 4.351.271.131 đồng, Công ty thực hiện phân bổ vào kết quả kinh doanh khoản chi phí này trong thời gian 03 năm tính từ năm có quyết định chính thức từ Cơ quan thuế về số tiền phải nộp bổ sung.

- Chi phí tiền thuê đất dự kiến phải nộp bổ sung từ năm 2016 đến năm 2017 là: 2.683.894.816 đồng, Công ty đã ghi nhận các khoản chi phí này vào kết quả kinh doanh trong năm 2017.

14. Các khoản phải trả khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	209.395.859	165.703.495
Bảo hiểm xã hội	120.231.356	94.862.176
Bảo hiểm y tế	1.809.753	1.107.654
Bảo hiểm thất nghiệp	5.102.852	6.542.005
Phải trả về cổ phần hoá	2.757.809.125	2.757.809.125
Cổ tức phải trả cho cổ đông	18.488.101.075	-
Xí nghiệp dịch vụ Xây dựng Ngoại thương - Công nợ phải trả nội bộ xí nghiệp hạch toán phụ thuộc	18.149.706.537	22.385.636.434
Phải trả khác của Văn phòng Hà Nội	639.707.022	887.508.284
Phải trả khác của Chi nhánh Nghệ An	48.580.627	44.389.793
Phải trả khác của Chi nhánh Nha Trang	28.530.590	28.530.590
Phải trả khác của Xí nghiệp Dịch vụ Xây dựng	300.000.000	300.000.000
Các khoản dự chi	1.419.569.156	1.495.881.156
Cộng	**42.168.543.952**	**28.167.970.712**
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.261.074.285	1.261.074.285
Cộng	**1.261.074.285**	**1.261.074.285**

15. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu cho thuê kho tháng 01 năm 2018 của Đại lý vận tải quốc tế Phía Bắc.

16. Dự phòng phải trả

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng;		
Công trình XD nhà buồng bệnh BV Phong	-	490.000.000
Công trình cải tạo BV Việt Nam - Thụy Điển (gói 1)	150.000.000	150.000.000
Công trình cải tạo BV Uông Bí	25.000.000	25.000.000
Công trình A10-Học viện CTQG HCM	104.645.455	-
Cung cấp, lắp đặt điều hòa GD 2 - BV Việt Nam - Thụy	180.000.000	-
Thi công nhà EJUNKML - BV Việt Nam - Thụy Điển	100.000.000	-
Cải tạo hội trường A4 - ĐH Y Hà Nội	100.000.000	-
Cộng	**659.645.455**	**665.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**268.000.000.000**	**305.706.606**	**91.711.982**	**15.107.775.873**	**283.505.194.461**
Lãi trong năm trước	-	-	-	15.290.145.027	15.290.145.027
Trích lập các quỹ	-	819.666.462	351.285.627	(2.844.475.431)	(1.673.523.342)
Giảm khác	-	-	-	(83.226.498)	(83.226.498)
Số dư cuối năm trước	**268.000.000.000**	**1.125.373.068**	**442.997.609**	**27.470.218.971**	**297.038.589.648**
Lãi trong năm nay	-	-	-	18.568.886.099	18.568.886.099
Trích lập các quỹ	-	1.070.310.152	458.704.351	(3.669.634.807)	(2.140.620.304)
Trả cổ tức	-	-	-	(18.581.780.000)	(18.581.780.000)
Giảm khác (*)	-	-	-	(420.544.530)	(420.544.530)
Số dư cuối năm nay	**268.000.000.000**	**2.195.683.220**	**901.701.960**	**23.367.145.733**	**294.464.530.913**

(*) Giá trị thuế GTGT và thuế TNDN của các năm từ 2012 đến 2016 bị truy thu theo Quyết định số 51980/QĐ-CT-TTr4 ngày 02/08/2017.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Vốn góp của Nhà nước	266.566.000.000	266.566.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	1.434.000.000	1.434.000.000
Cộng	**268.000.000.000**	**268.000.000.000**

c) Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	268.000.000.000	268.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	268.000.000.000	268.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phần	01/01/2017 Cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.800.000	26.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.800.000	26.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*26.800.000*	*26.800.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.800.000	26.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*26.800.000*	*26.800.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2017	01/01/2017
Ngoại tệ các loại		
- USD	6.355,88	4.882,45
- EUR	592,80	592,57
- JPY	33.000,00	33.000,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng	81.519.888.434	73.596.096.047
Doanh thu cung cấp dịch vụ	112.731.780.532	123.196.390.010
Doanh thu hợp đồng xây dựng	64.969.492.307	34.311.614.740
Cộng	**259.221.161.273**	**231.104.100.797**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	81.679.741.693	74.999.724.471
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	102.207.009.792	118.430.887.877
Giá vốn hợp đồng xây dựng	63.188.983.759	28.969.017.380
Cộng	**247.075.735.244**	**222.399.629.728**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.797.192.674	1.158.527.500
Lãi bán khoản đầu tư	3.607.730.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.197.567.240	23.828.893.233
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	76.671.590	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.044	4.317.673
Cộng	**20.679.162.548**	**24.991.738.406**

4. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	2.229.791.667	3.162.425.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	81.293.477	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	67.461.775	576.443.366
Chi phí tài chính khác	11	342
Cộng	**2.378.546.930**	**3.738.868.708**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.520.867.828	5.035.759.945
Chi phí khấu hao TSCĐ	210.191.941	101.500.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.127.825.907	4.288.329.553
Các khoản bằng tiền khác	5.629.450.291	5.289.526.737
Cộng	**12.488.335.967**	**14.715.117.082**

6. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	147.272.727	-
- Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	*147.272.727*	-
- Giá trị còn lại và chi phí thanh thanh lý TSCĐ	-	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	490.000.000	-
Các khoản khác	134.839.412	1.053.604.118
Cộng	**772.112.139**	**1.053.604.118**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền phạt vi phạm hành chính	131.815.942	253.184.034
Các khoản khác	29.115.778	752.498.742
Cộng	**160.931.720**	**1.005.682.776**

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	**18.568.886.099**	**15.290.145.027**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	697.931.720	1.544.063.920
Thu nhập chịu thuế	**19.266.817.819**	**16.834.208.947**
Trừ:	(19.266.817.819)	(23.828.893.233)
- Thu nhập miễn thuế	*(15.197.567.240)*	*(23.828.893.233)*
- Các khoản lỗ được kết chuyển	*(4.069.250.579)*	-
Thu nhập tính thuế	-	**(6.994.684.286)**
Thuế suất	20%	20%
Chi phí Thuế TNDN hiện hành	-	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty còn phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND
Công ty cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng	Công ty con	Cổ tức được chia	4.443.360.000
Công ty cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương Quy Nhơn	Công ty con	Cổ tức được chia	7.505.460.000
Công ty cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương Miền Nam	Công ty con	Cổ tức được chia	355.200.000
Công ty cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương Đà Nẵng	Công ty con	Cổ tức được chia	345.878.000
Công ty liên doanh Bông Sen	Công ty liên doanh	Lợi nhuận được chia	2.319.669.240
Công ty liên doanh Bông Sen	Công ty liên doanh	Mua dịch vụ	415.400.001
Ông Thái Duy Long	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Thu nhập từ 01/01/2017 đến 10/05/2017	215.000.000
Ông Phạm Trường Giang	Chủ tịch HĐQT	Thu nhập từ 11/05/2017 đến 31/12/2017	298.000.000
Ông Nguyễn Văn Khánh	Tổng Giám đốc	Thu nhập từ 11/05/2017 đến 31/12/2017	294.000.000

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Số dư VND
Công ty liên doanh Bông Sen	Công ty liên doanh	Phải thu cổ tức	1.150.709.240
Công ty cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu cổ tức và phải thu khác	847.189.522

3. Báo cáo bộ phận

Hoạt động của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực Logistics và xây dựng tại Việt Nam, trụ sở Công ty đặt trên địa bàn thành phố Hà Nội. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát được thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Tài chính – kế toán theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro về tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.585.172.328	-	103.585.172.328
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.604.826.042	-	84.604.826.042
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	137.658.668.556	137.658.668.556
Cộng	**190.189.998.370**	**137.658.668.556**	**327.848.666.926**
31/12/2017			
Các khoản nợ thuê tài chính			-
Các khoản vay	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	80.723.939.277	1.261.074.285	81.985.013.562
Chi phí phải trả	35.799.223.442	-	35.799.223.442
Cộng	**116.523.162.719**	**21.261.074.285**	**137.784.237.004**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**73.666.835.651**	**116.397.594.271**	**190.064.429.922**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.921.230.573	-	59.921.230.573
Phải thu khách hàng và phải thu khác	100.224.911.832	-	100.224.911.832
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.070.000.000	-	2.070.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	140.136.208.556	140.136.208.556
Cộng	**162.216.142.405**	**140.136.208.556**	**302.352.350.961**
01/01/2017			
Các khoản vay	-	25.000.000.000	25.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	52.040.426.468	1.261.074.285	53.301.500.753
Chi phí phải trả	34.820.598.536	-	34.820.598.536
Cộng	**86.861.025.004**	**26.261.074.285**	**113.122.099.289**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**75.355.117.401**	**113.875.134.271**	**189.230.251.672**

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.585.172.328	59.921.230.573
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.604.826.042	100.224.911.832
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	2.070.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	137.658.668.556	140.136.208.556
Cộng	**327.848.666.926**	**302.352.350.961**
Công nợ tài chính		
Các khoản nợ thuê tài chính		
Các khoản vay	20.000.000.000	25.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	81.985.013.562	53.301.500.753
Chi phí phải trả	35.799.223.442	34.820.598.536
Cộng	**137.784.237.004**	**113.122.099.289**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC kiểm toán.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

7. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG
Trần Thị Bích Hạnh		Nguyễn Văn Khánh